

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 401/2026/DS-PT
Ngày: 27-3-2026
Về việc “Tranh chấp về hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thuý Lành
Bà Đinh Thị Ngọc Yến

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Ngọc Nhân, *Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.*

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho, *Kiểm sát viên.*

Ngày 27 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2026/TLPT-DS ngày 02 tháng 02 năm 2026 về việc” tranh chấp hợp đồng tín dụng”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 315/2025/DS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2025 Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 92/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ trụ sở: Số B N, phường C, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Lầu B, Số B L, Phường N, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Trung N, chức vụ: Phó Giám đốc Khối Quản lý và T cấu trúc Tài sản (theo Giấy ủy quyền số 10772/UQ-PVB ngày 10/6/2020).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Y Văn B, sinh năm 1994 - chức vụ: chuyên viên Ngân hàng TMCP Đ (theo Giấy ủy quyền số 315/UQ-PVB ngày 09/01/2025) (Có đơn xin xét xử mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Trương Thanh V, sinh năm 1983

Địa chỉ thường trú: Ấp A, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

Tạm trú: 77/28/57 đường số I, khu phố B, Phường B, thành phố Hồ Chí Minh.
(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Cao Thị Thu H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu phố S, phường A, tỉnh Tây Ninh (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Trương Thanh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 01 năm 2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Y Văn B trình bày: Giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H có xác lập các hợp đồng tín dụng như sau:

Ngày 07/11/2019, ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H ký Hợp đồng cho vay số 0211/2019/HDTD/PVB-PGD.PDC với Ngân hàng TMCP Đ. Theo Khế ước nhận nợ ngày 08/11/2019, Ngân hàng giải ngân số tiền 450.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay để mua xe ô tô, ngày giải ngân 08/11/2019. Lãi suất từ ngày 08/11/2019 đến ngày 07/11/2020 là 9,49%/năm; từ ngày 08/11/2020 đến hết thời hạn vay, lãi suất cho vay bằng LS13 + biên độ 4,3%/năm, định kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần. Tiền gốc và lãi trả hàng tháng vào ngày 25, tiền gốc mỗi tháng trả 7.500.000 đồng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả là 10%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông V và bà H thanh toán không đầy đủ, có tháng trả, có tháng không trả, có tháng trả nhưng không đủ. Đến ngày 17/3/2021 là lần thanh toán cuối cùng; sau đó đến ngày 05/8/2024 ông V và bà H có thanh toán thêm 15.000.000 đồng, rồi ngưng luôn cho đến nay. Tổng số tiền đã thanh toán đối với khoản vay này là 171.294.895 đồng, gồm tiền gốc 126.322.452 đồng, tiền lãi 44.962.443 đồng. Tính đến ngày 07/10/2025, dư nợ của khoản vay này là: nợ gốc 323.667.548 đồng, lãi trong hạn 87.189.114 đồng, lãi quá hạn 195.470.344 đồng, lãi chậm trả 29.115.445 đồng, tổng cộng 635.442.451 đồng.

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H đã ký Hợp đồng thế chấp số 0211/2019/HĐBĐ/PVB-PGD.PDC ngày 07/11/2019, thế chấp tài sản là xe ô tô tải nhãn hiệu TRUONGGIANG, số loại TG-TC8.1, màu xanh, số khung RNNTBF1D6HCN00013, số máy YC6J18033J1EE1G30188, biển kiểm soát 64C-081.45, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016599 do Phòng C Công an tỉnh V cấp ngày 28/10/2019 cho ông Trương Thanh V. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/01/2020, ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H tiếp tục ký Hợp đồng cho vay số 0701/HĐTD/PVB-PGD.PĐC với Ngân hàng TMCP Đ. Theo Khế ước nhận nợ ngày 14/01/2020, Ngân hàng giải ngân số tiền 450.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay để mua xe ô tô, ngày giải ngân 14/01/2020. Lãi suất

từ ngày 14/01/2020 đến ngày 13/01/2021 là 9,4%/năm; từ ngày 14/01/2021 đến hết thời hạn vay, lãi suất cho vay bằng LS13 + biên độ 4,3%/năm, định kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần. Tiền gốc và lãi trả hàng tháng vào ngày 25, tiền gốc mỗi tháng trả 7.500.000 đồng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả là 10%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông V và bà H cũng thanh toán không đầy đủ. Đến ngày 17/3/2021 là lần thanh toán cuối cùng, sau đó không tiếp tục thanh toán. Tổng số tiền đã thanh toán đối với khoản vay này là 131.692.684 đồng, gồm tiền gốc 90.050.164 đồng, tiền lãi 41.642.520 đồng. Tính đến ngày 07/10/2025, dư nợ của khoản vay này là: nợ gốc 359.950.000 đồng, lãi trong hạn 96.273.190 đồng, lãi quá hạn 204.587.270 đồng, lãi chậm trả 29.379.793 đồng, tổng cộng 690.190.089 đồng.

Để bảo đảm cho khoản vay này, ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H đã ký Hợp đồng thế chấp số 0701/HĐBĐ/PVB-PGD.PĐC ngày 14/01/2020, thế chấp tài sản là xe ô tô tải nhãn hiệu TRUONGGIANG, số loại TG-TC8.1, màu xanh, số khung RNNTBFID6HCN00046, số máy YC6J180-33JIEE1G30221, biển kiểm soát 64C-083.92, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017432 do Phòng C Công an tỉnh L cấp ngày 07/01/2020 cho ông Trương Thanh V. Tài sản này cũng đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, ngày 17/02/2020, ông Trương Thanh V còn ký Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng, loại thẻ Smart CTC0800-Primary, hạn mức 20.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn là tiêu dùng, lãi suất 25%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, lãi chậm trả 10%/năm. Tính đến ngày 07/10/2025, dư nợ thẻ tín dụng là: nợ gốc 20.000.000 đồng, lãi trong hạn 410.959 đồng, lãi quá hạn 41.712.329 đồng, lãi chậm trả 1.251.117 đồng, phí 5.740.000 đồng, tổng cộng 69.114.404 đồng.

Do ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 14/4/2021, Ngân hàng TMCP Đ đã gửi Thông báo số 2365/TB-PVB về việc vi phạm nghĩa vụ và thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay. Mặc dù đã được Ngân hàng N1, yêu cầu thanh toán nhưng ông V và bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 07/10/2025 là 1.394.746.943 đồng, trong đó: nợ gốc của 02 hợp đồng tín dụng là 683.617.384 đồng, tổng nợ lãi của 02 hợp đồng tín dụng là 642.015.155 đồng, nợ thẻ tín dụng là 69.114.404 đồng.

Ngân hàng còn yêu cầu ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh theo thỏa thuận tại các hợp đồng kể từ ngày 08/10/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp ông V và bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, xử lý phát mãi các tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ; nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông V và bà H vẫn phải tiếp tục thanh toán phần nợ còn thiếu.

Bị đơn là ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 315/2025/DS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh đã tuyên:

Căn cứ Căn cứ vào Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức Tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm tính đến ngày 07/10/2025 là 1.394.746.943 đồng, gồm: nợ gốc của 02 hợp đồng tín dụng 683.617.384 đồng, nợ lãi của 02 hợp đồng tín dụng 642.015.155 đồng và nợ thẻ tín dụng 69.114.404 đồng.

Kể từ ngày 08/10/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký kết.

Trường hợp ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý, phát mãi các tài sản bảo đảm, gồm:

Xe ô tô tải nhãn hiệu TRUONGGIANG, số loại TG-TC8.1, màu xanh, số khung RNNTBFID6HCN00013, số máy YC6J18033J1EE1G30188, biển kiểm soát 64C-081.45, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016599 do Phòng C Công an tỉnh V cấp ngày 28/10/2019 cho ông Trương Thanh V

Xe ô tô tải nhãn hiệu TRUONGGIANG, số loại TG-TC8.1, màu xanh, số khung RNNTBFID6HCN00046, số máy YC6J180-33IHEIG30221, biển kiểm soát 64C-083.92, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017432 do Phòng C Công an tỉnh L cấp ngày 07/01/2020 cho ông Trương Thanh V.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng TMCP Đ.

Sau khi ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H bản chính các giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đã nhận thế chấp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/11/2025, ông Trương Thanh V kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại nếu có vi phạm tố tụng, hoặc sửa bản án sơ thẩm theo hướng tính lại toàn bộ lỗi quá hạn. Ông V cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho ông và bà Cao Thị Thu H không đúng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không ghi nhận ý kiến trình bày của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không chính xác. Ông trình bày ông đăng ký hộ khẩu tại Ấp A, xã N, tỉnh Vĩnh Long nhưng hiện đang tạm trú tại 7 đường số I, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Còn bà Cao Thị Thu H đang bị tạm giam tại Trại tạm giam A, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương, nên ông và bà H không nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bị đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của ông Trương Thanh V làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ, buộc ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay, nợ thế tín dụng và xử lý tài sản bảo đảm là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của ông Trương Thanh V không có tình tiết mới, không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Thanh V, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

窗体底端

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:[1.1] Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Trương Thanh V làm đúng theo quy định tại các 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và được tổng đạt hợp lệ. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Ông Trương Thanh V kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại nếu có vi phạm tố tụng hoặc sửa bản án sơ thẩm theo hướng tính lại toàn bộ lỗi quá hạn. Đồng thời cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt văn bản tố tụng cho ông và bà Cao Thị Thu H không đúng, do ông có hộ khẩu tại Ấp A, xã N, tỉnh Vĩnh Long nhưng tạm trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, còn bà H đang bị tạm giam nên ông, bà không nhận được văn bản tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm.

[2] Nội dung:

[2.1] Xét nội dung kháng cáo của ông V thấy rằng: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Trương Thanh V, bà Cao Thị Thu H có xác lập các quan hệ tín dụng hợp pháp. Cụ thể, ngày 07/11/2019, ông V và bà H ký Hợp đồng cho vay số 0211/2019/HĐTD/PVB-PGD.PDC, khế ước nhận nợ ngày 08/11/2019, vay số tiền 450.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích mua xe ô tô. Tiếp đó, ngày 14/01/2020, ông V và bà H tiếp tục ký Hợp đồng cho vay số 0701/HĐTD/PVB-PGD.PĐC, khế ước nhận nợ ngày 14/01/2020, vay số tiền 450.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích mua xe ô tô. Như vậy, tổng số tiền gốc ông V và bà H đã vay theo 02 hợp đồng tín dụng là 900.000.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 17/02/2020, ông Trương Thanh V còn ký Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng. Theo đó Ngân hàng cấp cho ông V 01 thẻ tín dụng loại Smart CTC0800-Primary với hạn mức 20.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn là tiêu dùng, lãi suất 25%/năm. Việc giao kết các hợp đồng, khế ước nhận nợ và giấy đề nghị cấp tín dụng nêu trên đều được các bên tự nguyện xác lập, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung và hình thức của giao dịch phù hợp quy định pháp luật nên có giá trị ràng buộc các bên thực hiện.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ cho ông V, bà H theo thỏa thuận. Tuy nhiên, ông V và bà H thực hiện nghĩa vụ thanh toán không đầy đủ, có thời kỳ trả, có thời kỳ không trả, dẫn đến phát sinh nợ quá hạn. Đối với khoản vay theo Hợp đồng cho vay số 0211/2019/HĐTD/PVB-PGD.PDC, tổng số tiền ông V, bà H đã thanh toán là 171.294.895 đồng, gồm tiền gốc 126.322.452 đồng, tiền lãi 44.962.443 đồng. Dư nợ tạm tính đến ngày 07/10/2025 còn nợ gốc 323.667.548 đồng, lãi trong hạn 87.189.114 đồng, lãi quá hạn 195.470.344 đồng, lãi chậm trả 29.115.445 đồng. Tổng cộng 635.442.451 đồng.

Đối với khoản vay theo Hợp đồng cho vay số 0701/HĐTD/PVB-PGD.PĐC, tổng số tiền ông V, bà H đã thanh toán là 131.692.684 đồng, gồm tiền gốc 90.050.164 đồng, tiền lãi 41.642.520 đồng. Dư nợ tạm tính đến ngày 07/10/2025 còn nợ gốc 359.950.000 đồng, lãi trong hạn 96.273.190 đồng, lãi quá hạn 204.587.270 đồng, lãi chậm trả 29.379.793 đồng. Tổng cộng 690.190.089 đồng.

Đối với khoản nợ thẻ tín dụng, ông Trương Thanh V còn nợ Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 07/10/2025 gồm: nợ gốc 20.000.000 đồng, lãi trong hạn 410.959 đồng, lãi quá hạn 41.712.329 đồng, lãi chậm trả 1.251.117 đồng, phí 5.740.000 đồng. Tổng cộng 69.114.404 đồng.

Như vậy, tổng số tiền ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ đến ngày 07/10/2025 là 1.394.746.943 đồng, gồm nợ gốc của 02 hợp đồng tín dụng là 683.617.384 đồng. Tổng nợ lãi của 02 hợp đồng tín dụng là 642.015.155 đồng; nợ thẻ tín dụng là 69.114.404 đồng. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông V và bà H thanh toán số tiền nêu trên là có căn cứ.

[2.3] Đối với nội dung kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng do tổng đạt không hợp lệ, xét thấy hồ sơ thể hiện bị đơn đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng

cứ và phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi kháng cáo, ông V cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, bà. Do đó, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này.

[2.4] Đối với yêu cầu kháng cáo xin tính lại toàn bộ lãi quá hạn, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào nội dung các hợp đồng tín dụng, kế ước nhận nợ, thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi chậm trả, thời điểm phát sinh nợ quá hạn và bảng tính lãi do Ngân hàng Đ cung cấp để xác định nghĩa vụ thanh toán của bị đơn. Ông Trương Thanh V không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh Ngân hàng Đai chứng tính lãi sai, áp dụng sai lãi suất, hoặc tính lãi trái với thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông V về việc tính lại lãi quá hạn.

[2.5] Xét về tài sản bảo đảm, để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay số 0211/2019/HĐTD/PVB-PGD.PDC, ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H đã ký Hợp đồng thế chấp số 0211/2019/HĐBĐ/PVB-PGD.PDC ngày 07/11/2019, thế chấp xe ô tô tải nhãn hiệu TRUONGGIANG, số loại TG-TC8.1, màu xanh, số khung RNNTBF1D6HCN00013, số máy YC6J18033J1EE1G30188, biển kiểm soát 64C-081.45 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016599 do Phòng C Công an tỉnh V cấp ngày 28/10/2019 cho ông Trương Thanh V. Tài sản này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay số 0701/HĐTD/PVB-PGD.PĐC, ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H đã ký Hợp đồng thế chấp số 0701/HĐBĐ/PVB-PGD.PĐC ngày 14/01/2020, thế chấp xe ô tô tải nhãn hiệu TRUONGGIANG, số loại TG-TC8.1, màu xanh, số khung RNNTBFID6HCN00046, số máy YC6J180-33J1EE1G30221, biển kiểm soát 64C-083.92 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017432 do Phòng C Công an tỉnh L cấp ngày 07/01/2020 cho ông Trương Thanh V. Tài sản này cũng đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật.

Khi ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Do đó, cấp sơ thẩm tuyên trường hợp ông V và bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý phát mãi 02 xe ô tô nêu trên để thu hồi nợ, nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông V và bà H vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả phần nợ còn thiếu. Sau khi ông V và bà H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại 02 bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với khoản nợ thế tín dụng 69.114.404 đồng, mặc dù người đứng tên giao kết là ông Trương Thanh V, nhưng cấp sơ thẩm xác định mục đích sử dụng vốn là tiêu dùng và buộc bà Cao Thị Thu H liên đới cùng ông V thanh toán khoản nợ này là phù hợp.

[3] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ xác định bản án dân sự cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, xác định đầy đủ các quan hệ tranh chấp, xem xét đúng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, áp dụng đúng quy định của pháp luật về hợp đồng tín dụng, nghĩa vụ trả nợ và xử lý tài sản bảo đảm. Kháng cáo của ông Trương Thanh V đề nghị huỷ án hoặc sửa án sơ thẩm về lãi suất không có cơ sở chấp nhận, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Thanh V, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Trương Thanh V không được chấp nhận nên ông Trương Thanh V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Thanh V.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 315/2025/DS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 228, Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2015; Khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức Tín dụng; Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền (tạm tính đến ngày 07/10/2025) là 1.394.746.943 đồng (một tỷ, ba trăm chín mươi bốn triệu, bảy trăm bốn mươi sáu nghìn, chín trăm bốn mươi ba đồng), bao gồm 683.617.384 đồng (sáu trăm tám mươi ba triệu, sáu trăm mười bảy nghìn, ba trăm tám mươi bốn đồng) nợ gốc, 642.015.155 đồng (sáu trăm bốn mươi hai triệu, không trăm mười lăm nghìn, một trăm năm mươi lăm đồng) nợ lãi và 69.114.404 đồng (sáu mươi chín triệu, một trăm mười bốn nghìn, bốn trăm lẻ bốn đồng) nợ thẻ tín dụng.

Ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H phải có nghĩa vụ thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay kể từ ngày 08/10/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Đ thì lãi suất mà ông Trương Thanh V, bà Cao Thị Thu H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng TMCP Đ.

Trường hợp ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ và lãi quá hạn phát sinh thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thi hành bản án, kê biên phát mãi tài sản bảo đảm là: Xe ô tô tải nhãn hiệu TRUONGGIANG số loại TG-TC8.1, màu Xanh, số khung RNNTBF1D6HCN00013, số máy YC6J18033J1EE1G30188, biển kiểm soát 64C-081.45 chiếu theo Giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016599 do Phòng C Công an tỉnh V cấp ngày 28/10/2019 cho ông Trương Thanh V và xe ô tô tải nhãn hiệu TRUONGGIANG số loại TG-TC8.1, màu Xanh, số khung RNNTBF1D6HCN00046, số máy YC6J180-33*J1EE1G30221", biển kiểm soát 64C-083.92 chiếu theo Giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số số 017432 do Phòng C Công an tỉnh V cấp ngày 07/01/2020 cho ông Trương Thanh V để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

2. Sau khi ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H trả hết nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có nghĩa vụ trả lại bản chính Giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016599 do Phòng C Công an tỉnh V cấp ngày 28/10/2019 mang tên Trương Thanh V và bản chính Giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số số 017432 do Phòng C Công an tỉnh V cấp ngày 07/01/2020 mang tên Trương Thanh V cho ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Thanh V, bà Cao Thị Thu H phải liên đới chịu 53.842.000 (Năm mươi ba triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ 25.850.000 (Hai mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0012362 ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Thanh V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0013563 ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự Dân sự tỉnh Tây Ninh sang án phí. Ông V đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 12 - Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Dương sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh TN;
- Phòng GĐ, TT, KT&THA.TANDTTN;
- Lưu. hồ sơ, lưu trữ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Hằng

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Thanh V. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số .../.../DS-ST ngày ... tháng ... năm ... của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm tính đến ngày 07/10/2025 là 1.394.746.943 đồng, gồm: Nợ gốc của 02 hợp đồng tín dụng: 683.617.384 đồng; Nợ lãi của 02 hợp đồng tín dụng: 642.015.155 đồng; Nợ thẻ tín dụng: 69.114.404 đồng.

Kể từ ngày 08/10/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký kết. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Đ thì lãi suất mà ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H phải tiếp tục thanh toán cũng được điều chỉnh theo sự điều chỉnh của Ngân hàng.

Trường hợp ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nêu trên, Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý, phát mãi các tài sản bảo đảm sau đây để thu hồi nợ:

Xe ô tô tải nhãn hiệu TRUONGGIANG, số loại TG-TC8.1, màu xanh, số khung RNNTBFID6HCN00013, số máy YC6J18033J1EE1G30188, biển kiểm soát 64C-081.45, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016599 do Phòng C Công an tỉnh V cấp ngày 28/10/2019 cho ông Trương Thanh V;

Xe ô tô tải nhãn hiệu TRUONGGIANG, số loại TG-TC8.1, màu xanh, số khung RNNTBFID6HCN00046, số máy YC6J180-33IHEIG30221, biển kiểm soát 64C-083.92, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017432 do Phòng C Công an tỉnh L cấp ngày 07/01/2020 cho ông Trương Thanh V.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H vẫn phải tiếp tục liên đới thanh toán phần nợ còn thiếu cho Ngân hàng TMCP Đ.

Sau khi ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, Ngân hàng TMCP Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H: Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016599 do Phòng C Công an tỉnh V cấp ngày 28/10/2019;

Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017432 do Phòng C Công an tỉnh L cấp ngày 07/01/2020.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Thanh V và bà Cao Thị Thu H phải chịu 53.842.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012362 ngày 24/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

2. Không chấp nhận yêu cầu:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Minh L1 và bà Nguyễn Thị P.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2025/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 148, 157, 165, 218, 244 và 483 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 95, 99, 203 Luật đất đai năm 2013; các Điều 133, 223, 226 Luật đất đai năm 2024; các Điều 164, 165, 166, 175, 184, 221 và 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 12, 14, 26, 27 và 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Văn G về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” với bà Đặng Thị L2.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đặng Thị L2 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” với anh Đặng Văn G: Công nhận cho bà Đặng Thị L2 được quyền sử dụng phần đất có diện tích 73,9 m², loại đất chuyên trồng lúa nước, thuộc 01 phần thửa đất số 279, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại khu phố L, phường A, tỉnh Tây Ninh, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Đặng Văn G đứng tên, được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 21-9-2011, số CH07166. Tứ cận: Đông giáp đường đất dài 1,53 mét; Tây giáp thửa 256 dài 1,83 mét; Nam giáp thửa 805 (bà L2) dài 41,03 mét + 4,25 mét; Bắc giáp thửa 279 (anh G) dài 41,09 mét + 4,32 mét.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đến liên hệ đến các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Đặng Văn G đứng tên sang tên qua cho bà Đặng Thị L2 đứng tên phần diện tích đất như Mục 2 phần quyết định đã nêu.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp: Buộc anh G phải chịu 21.800.000 đồng. Ghi nhận anh G đã nộp tạm ứng số tiền này và đã chi xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh G phải chịu 300.000 đồng án phí. Ghi nhận anh G đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000677 ngày 04-11-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 12 – Tây Ninh) anh G đã nộp đủ tiền án phí. Hoàn trả bà L2 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002145 ngày 04-8-2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 12 - Tây Ninh.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Đặng Văn G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0003697 ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

2. Hủy án sơ thẩm:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 73/2025/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Tây Ninh.

Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân khu vực 7 - Tây Ninh giải quyết lại vụ án

- Về án phí và chi phí tố tụng được quyết định khi Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh thụ lý giải quyết lại vụ án.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Hoàn trả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0003697 ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh cho anh Đặng Văn G

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.